

VITEC® GROUT-HS M70

Vữa rót không co ngót gốc xi măng, cường độ cao

CATALOG SẢN PHẨM
Tên SP: VITEC® GROUT-HS M70
Phiên bản: 12.00.01
Ngày phát hành: 9/9/2012
Mã tài liệu: SPVT-032.01
Trang: 1 / 2



PHẠM VI SỬ DỤNG

VITEC® GROUT-HS M70 là vữa tự chảy không co ngót, tính năng cao, thời gian cho phép thi công lâu, được dùng để sửa chữa các cấu kiện bê tông bị rỗng, rỗ, hỏng, lấp kín các khe hở trong cấu kiện bê tông đúc sẵn, đổ vữa bệ gối cầu, móng máy, chân cột, neo ống cáp, định vị các bu lông và tất cả những nơi yêu cầu loại vữa không co ngót.

CÁC ỨNG DỤNG ĐIỂN HÌNH

- Nền móng máy;
- Các lỗ hỏng;
- Bệ đường ray;
- Các khe hở;
- Cột trong các kết cấu đúc sẵn;
- Các hốc tường.
- Định vị bu lông;
- Gối cầu;
- Nơi sửa chữa cần cường độ cao;



ƯU ĐIỂM

- ★ Độ chảy lỏng tuyệt hảo;
- ★ Ổn định thể tích tốt;
- ★ Chống thấm rất tốt;
- ★ Chống ăn mòn trên bề mặt thép;
- ★ Chịu được tải trọng động rất tốt;
- ★ Có Module đàn hồi và hệ số giãn nở nhiệt tương đương với bê tông mác cao;
- ★ Kết dính rất tốt lên kim loại và bê tông;
- ★ Không chứa cốt liệu kim loại và bột nhôm;
- ★ Không độc, không gây ăn mòn;
- ★ Không chứa Chloride.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- VITEC® GROUT-HS M70 là một loại vữa trộn sẵn gốc xi măng có thành phần gồm xi măng mác cao, cốt liệu chọn lọc, phụ gia được sản xuất theo công thức của VITEC.
- Khi trộn với nước, VITEC® GROUT-HS M70 tạo thành một dạng vữa lỏng có độ chảy cao và không bị phân tầng, có thể đổ vào các khe hẹp và góc ngách.
- Nhờ có công thức đặc biệt mà VITEC® GROUT-HS M70 không bị co ngót ở trạng thái lỏng, trạng thái rắn và phát triển cường độ rất nhanh (cả cường độ nén và cường độ uốn).

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

❶ Thông số kỹ thuật sản phẩm	
Dạng sản phẩm	Bột mịn
Màu sắc	Xám
Kích thước cỡ hạt lớn nhất (mm)	2.5
Hàm lượng chất rắn ở dạng khô (%)	100
Hàm lượng Chloride (%)	Không có
Bảo quản	12 tháng trong bao còn nguyên, bảo quản nơi khô ráo
Mức độ độc hại	Không Xi măng trong các sản phẩm có thể gây kích ứng da và mắt Xem tài liệu an toàn sản phẩm
❷ Số liệu thi công	
Màu sắc hỗn hợp sau trộn	Xám
Tỷ lệ trộn (Vữa rót)	3.25 ÷ 3.50 lít nước/bao 25 kg
Dạng hỗn hợp sau khi trộn	Lỏng
Độ chảy xòe ống Suttard (cm)	22 + 28
Độ pH của vữa	>11.5
Nhiệt độ thi công	> 5°C
Thời gian làm việc sau khi trộn	60 phút

❸ Kết quả kỹ thuật cuối cùng của sản phẩm	
Các đặc tính cơ học	Các thí nghiệm về cường độ uốn và nén của vữa được thực hiện bằng mẫu tiêu chuẩn, làm và bảo dưỡng mẫu theo tiêu chuẩn với lượng nước 13 ÷ 14%.
Cường độ nén (Mpa)	ASTM C109
R1	≥ 30
R3	≥ 50
R7	≥ 60
R28	≥ 70
Độ tách nước	Không có (ASTM C940-89)
Độ giãn nở thể tích sau 24h (%)	≥ 0.1 (ASTM C940-89)
Thời gian đông kết:	
+ Bất đầu	≥ 5 giờ (ASTM C903-89)
+ Kết thúc	≤ 12 giờ (ASTM C903-89)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM XÂY DỰNG VITEC®
Construction Chemicals



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Chuẩn bị bề mặt thi công:

- Loại bỏ phần bê tông yếu bám dính trên bề mặt.
- Làm sạch và loại bỏ hoàn toàn bụi bẩn, dầu mỡ, vụn vữa và nước xi măng;
- Làm ướt các mặt của hố đổ vữa bằng nước, chờ cho nước bay hơi hết trước khi rót vữa, có thể dùng máy nén khí để thổi sạch nước còn đọng.

2. Trộn vữa:

Đổ 80% lượng nước trộn (Xem phần số liệu thi công) vào một thùng sạch, đổ từ từ phần bột vào thùng và trộn đều bằng một máy trộn điện có cần trộn với tốc độ thấp (tối đa 500 vòng/phút) cho đến khi tạo thành vữa dẻo, thêm phần nước còn lại vào và trộn để đạt độ dẻo yêu cầu.

Chú ý:

- + Không để bột bị dính trên thành thùng trộn, không để tạo bọt khí, để yên 2 ÷ 3 phút sau đó trộn lại và sử dụng.
- + Không trộn vữa bằng tay.

3. Thi công vữa:

- Rót vữa vào hố móng hoặc bệ liên tục từ một phía để tránh tạo bọt khí trong khối vữa. Khi đổ vữa mới nối giữa các cấu kiện bê tông đúc sẵn cần lưu ý chiều dày lớp vữa không quá 6 cm.
- Không cần phải dùng thiết bị đầm rung khi đổ vữa mà chỉ cần dùng một thanh gỗ hoặc sắt để đầm;
- Việc trộn thêm cốt liệu: Khi đổ vữa cho các hố có kích thước lớn có thể sử dụng thêm cốt liệu có kích thước lớn nhất của hạt cốt liệu $D_{max} = 8 \div 10\text{mm}$, lượng dùng cốt liệu $\leq 100\%$ trọng lượng vữa;
- Do một số đặc tính như cường độ và tính công tác của vữa có thể thay đổi, nên làm thí nghiệm trên công trường và tham khảo kỹ thuật của VITEC.

4. Một số hướng dẫn trước và sau thi công:

- Ở nhiệt độ khoảng 40°C, không có yêu cầu gì đặc biệt;
- Khi trời lạnh, nên dùng nước ấm (khoảng 20°C) để trộn vữa;
- Sau khi thi công, phải bảo dưỡng vữa đúng cách, bề mặt vữa tiếp xúc trực tiếp với không khí phải được bảo vệ tránh sự thoát hơi nước quá nhanh để chống nứt do co ngót, đặc biệt là trong thời tiết nóng và có gió;
- Phun nước lên bề mặt vữa trong 24 giờ đầu tiên hoặc sử dụng chất chống bay hơi.

5. Vệ sinh:

Làm sạch dụng cụ bằng nước khi vữa còn ướt.

ĐÓNG GÓI: VITEC[®] GROUT-HS M70 được đóng bao 25kg.

LƯỢNG DÙNG: Mỗi bao VITEC[®] GROUT-HS M70 trọng lượng 25kg sau khi trộn sẽ được 13 đến 14 lít vữa.

CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

- Không thêm xi măng hay phụ gia khi dùng;
- Không sử dụng bao vữa bị rách hoặc đã bị mở;
- Không sử dụng VITEC[®] GROUT-HS M70 ở nhiệt độ < 5°C.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE

Sản phẩm có chứa xi măng có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với cơ thể.
Sử dụng găng tay và kính bảo hộ khi thi công sản phẩm.
Tham khảo thêm Tài liệu an toàn sản phẩm.

BẢO QUẢN VÀ THỜI HẠN SỬ DỤNG

Thời gian bảo quản tối thiểu của sản phẩm là 12 tháng.
Bảo quản nơi khô ráo trong bao bì còn nguyên.

*** MIỄN TRỪ:** Các thông tin kỹ thuật và hướng dẫn thi công trong các tài liệu của VITEC dựa trên sự hiểu biết và kinh nghiệm thực tế của VITEC. Các thông tin nêu ra ở đây chỉ nêu lên bản chất chung, do đó người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công của mình hay không. VITEC có quyền thay đổi đặc tính sản phẩm của mình, người sử dụng phải luôn tham khảo tài liệu kỹ thuật mới nhất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM XÂY DỰNG VITEC

☐ VPGD: Tòa nhà Big Tower, 18 Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội
☎ Nhà máy sản xuất: Xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
☎ Tel/Fax: 84-2432.010.395
✉ Email: hoaphamvitec@gmail.com
🌐 Web: www.hoaphamxaydung.vn

HỆ THỐNG QLCL SẢN PHẨM:



ISO 9001:2015

CATALOG SẢN PHẨM

Tên SP: VITEC[®] GROUT-HS M70
Phiên bản: 12.00.01
Ngày phát hành: 9/9/2012
Mã tài liệu: SPVT-082.01
Trang: 2 / 2